



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 10 năm học 2025-2026

(Từ ngày 10/11/2025 đến 14/11/2025)

TT	Thứ 2 (10/11)	Thứ 3 (11/11)	Thứ 4 (12/11) <i>Bữa ăn học đường</i>	Thứ 5 (13/11)	Thứ 6 (14/11)
1	Thịt lợn kho	Cá rô phi file chiên xù	Tôm nõn rim thịt băm	Thịt gà om nấm	Thịt lợn hầm khoai tây, cà rốt
2	Thịt gà nấu cà ri	Đậu mơ sốt cà chua	Trứng chưng hành	Đậu tằm hành	Trứng đảo bông
3	Bắp cải xào	Giá đỗ, cà rốt xào	Dưa hấu	Su su, cà rốt xào	Cải ngọt xào
4	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh mùng tơi nấu tôm nõn	Canh cải xanh nấu thịt	Canh bí đỏ nấu thịt	Canh thịt nấu chua
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
6	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Bánh gato Hoa Sữa	Sữa chua Vinamilk	Chuối tiêu+ bánh gạo	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Hà

ĐẠI DIỆN CMHS

16 Phu Hai

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Suất ăn 35.000đ trên một suất và quà chiều

Thực đơn tuần 10 năm 2025 (từ ngày 10/11/2025 đến 14/11/2025)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (10/11)	Thịt lợn kho	Thịt lợn	gram	81	140,000	11,340	60-65	Chất đốt	1,200	
	Thịt gà nấu cà ri	Thịt gà file	gram	30	95,000	2,850	35-40	Nhân công	4,500	
		Khoai tây, cà rốt	gram	20	30,000	600		Lãi dự kiến	600	
		Cà rốt	gram	5	25,000	125		Phí quản lý	300	
	Bắp cải xào	Bắp cải	gram	90	25,000	2,250	50-55	NRB+ N.lau sàn	150	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	30	25,000	3,500	220-240	Khấu hao	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		Nước sạch	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	VAT	2,600	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000				
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000				
	Cộng thứ 2					29,345			9,800	39,145
Thứ 3 (11/11)	Cá rô phi file chiên xù	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	Chất đốt	1,200	
	Đậu mướt sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	15	30,000	450		Lãi dự kiến	600	
	Giá đỗ, cà rốt xào	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	40-42	Phí quản lý	300	
	Canh mùng toi nấu tôm nõn	Mùng toi	gram	30	25,000	750	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Tôm nõn khô	gram	0.5	600,000	300		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	hộp	1	4,500	4,500		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					5,000				
	Cộng thứ 3					23,600			9,800	33,400
Thứ 4 (12/11)	Tôm nõn rim thịt băm	Thịt lợn	gram	50	140,000	7,000	55-60	Chất đốt	1,200	
		Tôm nõn	gram	20	250,000	5,000		Nhân công	4,500	
	Trứng chưng hành	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	Lãi dự kiến	600	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	Phí quản lý	300	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	3,500	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000				
	Cộng thứ 4					29,230			9,800	39,030

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (13/11)	Thịt gà om nấm	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	Chất đốt	1,200	
	Đậu tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	Nhân công	4,500	
	Su su, cà rốt xào	Su su gọt vỏ, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	Lãi dự kiến	600	
	Canh bí đỏ nấu thịt	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	Phí quản lý	300	
		Bí đỏ	gram	30	30,000	900		NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Khấu hao	300	
	Chuối tiêu + bánh gạo	Chuối tiêu	quả	1	2,200	2,200		Nước sạch	150	
		Bánh gạo	bánh	1	2,500	2,500		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000				
	Cộng thứ 5					22,830			9,800	32,630
Thứ 6 (14/11)	Thịt lợn hầm khoai tây, cà rốt	Thịt lợn	gram	60	140,000	8,400	60-65	Chất đốt	1,200	
		Khoai tây, cà rốt	gram	45	30,000	1,350		Nhân công	4,500	
	Trứng đảo bông	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	Lãi dự kiến	600	
	Cải ngọt xào	Cải ngọt	gram	90	25,000	2,250	40-45	Phí quản lý	300	
	Canh thịt nấu chua	Thịt lợn	gram	2	140,000	280	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Cà chua	gram	15	30,000	450		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					2,000				
	Cộng thứ 6					25,180			9,800	34,980

